

Danh sách

CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TĐHTPHCM, ngày tháng năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)

Khóa thi ngày: 24/5/2026 - tại Trường

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		GHI CHÚ
					LT	TH	
01	CB 001	Phan Nguyễn Quỳnh Anh	07/08/2005	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	9,5	Đạt
02	CB 002	Bùi Phương Anh	19/07/2004	Tp. Hà Nội	6,5	9,0	Đạt
03	CB 003	Trần Thế Bảo	31/07/2003	Tây Ninh	7,5	9,5	Đạt
04	CB 004	Lê Phương Bình	09/09/2006	Tp. Hồ Chí Minh	-	-	Vắng thi
05	CB 005	Lê Nguyễn Lan Chi	04/03/2003	Đồng Tháp	5,5	8,5	Đạt
06	CB 006	Nguyễn Hữu Thành Danh	14/04/2002	Đắk Lắk	7,0	8,5	Đạt
07	CB 007	Nguyễn Tiến Đạt	13/11/2006	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	7,0	Đạt
08	CB 008	Nguyễn Lê Minh Đông	06/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	4,5	0,0	Không Đạt
09	CB 009	Lê Bảo Duy	29/11/2006	Đồng Tháp	8,5	9,5	Đạt
10	CB 010	Nguyễn Đăng Duy	13/02/2003	Tây Ninh	7,5	4,5	Không Đạt
11	CB 011	Nguyễn Văn Dỹ	26/09/2006	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	9,5	Đạt
12	CB 012	Nguyễn Thị Ngân Hà	08/12/2001	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	9,0	Đạt
13	CB 013	Nguyễn Hoàn Hà	28/12/2005	Lâm Đồng	7,5	9,0	Đạt
14	CB 014	Trần Khánh Hà	07/08/2003	Quảng Ngãi	8,0	9,5	Đạt
15	CB 015	Trần Bảo Hân	17/06/2003	Đồng Tháp	6,5	8,5	Đạt
16	CB 016	Nguyễn Phạm Diễm Hằng	22/08/2005	Tp. Hồ Chí Minh	7,0	8,5	Đạt
17	CB 017	Nguyễn Thị Thu Hằng	09/05/2005	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	9,0	Đạt
18	CB 018	Nguyễn Trọng Phúc Hậu	21/02/2006	Tây Ninh	4,5	5,5	Không Đạt
19	CB 019	Lê Thanh Hiệp	18/04/2006	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	9,5	Đạt
20	CB 020	Lê Khắc Gia Hoà	03/07/2006	Đồng Tháp	7,5	9,5	Đạt
21	CB 021	Trịnh Thị Diễm Hồng	09/09/2004	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	9,0	Đạt
22	CB 022	Nguyễn Thị Huỳnh Hương	27/07/2005	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	7,0	Đạt
23	CB 023	Lê Trần Hùng Huy	01/01/2003	Đồng Nai	6,5	9,0	Đạt
24	CB 024	Đặng Khánh Huyền	14/11/2006	Đắk Lắk	8,0	9,0	Đạt
25	CB 025	Phạm Võ Thanh Huyền	03/02/2004	Tp. Hồ Chí Minh	5,0	8,5	Đạt
26	CB 026	Nguyễn Đình Kiên	13/01/2003	Tp. Hà Nội	5,5	9,0	Đạt
27	CB 027	Nguyễn Hoài Linh	20/12/2003	Lâm Đồng	8,5	6,0	Đạt
28	CB 028	Nguyễn Thị Phương Ngân	23/09/2006	Tây Ninh	7,5	6,5	Đạt
29	CB 029	Dương Đặng Thảo Ngân	12/12/2006	Tây Ninh	8,0	7,0	Đạt
30	CB 030	Trương Hoàng Bảo Ngân	29/06/2002	Tp. Hồ Chí Minh	8,5	7,0	Đạt
31	CB 031	Lê Thanh Hoàng Nam	18/09/2003	Tp. Đồng Nai	8,0	6,5	Đạt
32	CB 032	Nguyễn Bảo Nghi	25/09/2006	Tp. Hồ Chí Minh	7,0	8,5	Đạt
33	CB 033	Phạm Thị Ánh Nguyệt	27/03/2006	Đắk Lắk	7,5	9,0	Đạt
34	CB 034	Nguyễn Đình Nhac	14/02/2005	Lâm Đồng	8,5	9,0	Đạt

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		GHI CHÚ
					LT	TH	
35	CB 035	Nguyễn Dương Bảo Nhi	08/08/2006	Tp. Hồ Chí Minh	8,5	9,0	Đạt
36	CB 036	Nguyễn Trần Ngọc Nhi	02/03/2004	Tp. Hồ Chí Minh	8,5	4,5	Không Đạt
37	CB 037	Nguyễn Yến Như	27/03/2006	Cà Mau	8,0	2,0	Không Đạt
38	CB 038	Nguyễn Lê Tấn Phát	15/02/2006	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	7,0	Đạt
39	CB 039	Hà Thanh Phong	09/04/2006	An Giang	8,5	8,5	Đạt
40	CB 040	Nguyễn Hồng Phúc	22/11/2006	Quảng Ngãi	5,5	9,0	Đạt
41	CB 041	Đặng Anh Phúc	04/10/2003	Tây Ninh	7,5	4,0	Không Đạt
42	CB 042	Tô Vinh Quang	02/10/2006	Tp. Hồ Chí Minh	7,0	8,5	Đạt
43	CB 043	Lê Thị Diễm Quỳnh	04/04/2006	Tp. Hồ Chí Minh	8,0	8,5	Đạt
44	CB 044	Tạ Nhật Hoàng San	16/05/2004	Tp. Hồ Chí Minh	8,5	9,0	Đạt
45	CB 045	Mai Hồng Tâm	04/02/2002	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	6,5	Đạt
46	CB 046	Trần Thanh Tâm	25/08/2004	Cà Mau	6,0	6,5	Đạt
47	CB 047	Nguyễn Duy Tân	17/06/2006	Quảng Ngãi	3,5	5,5	Không Đạt
48	CB 048	Đỗ Phương Hồng Thẩm	20/04/2003	Đồng Tháp	7,5	6,0	Đạt
49	CB 049	Nguyễn Ngọc Nhã Thanh	07/12/2006	Đắk Lắk	3,0	5,5	Không Đạt
50	CB 050	Lê Ngọc Phương Thanh	30/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	9,0	Đạt
51	CB 051	Trần Thanh Thảo	27/04/2003	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	8,5	Đạt
52	CB 052	Huỳnh Trần Minh Thảo	05/04/2006	Đắk Lắk	7,0	7,0	Đạt
53	CB 053	Võ Lê Hoàng Thi	24/02/2004	Tp. Hồ Chí Minh	8,5	8,5	Đạt
54	CB 054	Đình Quốc Thịnh	11/03/2003	Tây Ninh	6,5	9,0	Đạt
55	CB 055	Đường Ngọc Minh Thư	15/08/2005	Tây Ninh	6,0	9,5	Đạt
56	CB 056	Lê Anh Thư	31/03/2006	Tây Ninh	7,5	8,5	Đạt
57	CB 057	Lê Anh Thư	01/09/2003	Tây Ninh	8,0	8,5	Đạt
58	CB 058	Nguyễn Huỳnh Ninh Thuận	17/10/2006	Tp. Hồ Chí Minh	4,0	8,0	Không Đạt
59	CB 059	Nguyễn Chí Thúc	17/01/2007	Đồng Tháp	9,5	9,0	Đạt
60	CB 060	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	22/10/2006	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	6,5	Đạt
61	CB 061	Phùng Thái Tiến	11/06/2003	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	5,0	Đạt
62	CB 062	Võ Ngọc Bảo Trân	07/08/2006	Đồng Tháp	7,0	9,0	Đạt
63	CB 063	Nguyễn Quỳnh Trang	14/12/2005	Tp. Hà Nội	8,0	9,0	Đạt
64	CB 064	Huỳnh Phạm Tuyết Trang	05/07/2006	Gia Lai	7,0	8,5	Đạt
65	CB 065	Bùi Minh Trung	18/07/2006	Tây Ninh	5,5	8,5	Đạt
66	CB 066	Lê Ngọc Trường	25/08/2006	Tây Ninh	7,5	8,5	Đạt
67	CB 067	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	17/05/2006	Tây Ninh	7,5	8,5	Đạt
68	CB 068	Nguyễn Quốc Việt	02/01/2006	Tp. Hồ Chí Minh	8,0	8,5	Đạt
69	CB 069	Trần Thị Mỹ Vui	22/08/2006	Quảng Ngãi	8,0	7,0	Đạt
70	CB 070	Huỳnh Nhật Vy	18/05/2006	Tp. Hồ Chí Minh	4,5	6,5	Không Đạt
71	CB 071	Huỳnh Trần Vỹ	14/08/2006	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	9,0	Đạt
72	CB 072	Lê Trần Như Ý	24/03/2006	Tp. Hồ Chí Minh	-	-	Vắng thi
73	CB 073	Nguyễn Văn Dũng	26/09/1988	Quảng Ngãi	4,5	2,5	Không Đạt

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		GHI CHÚ
					LT	TH	
74	CB 074	Trịnh Văn Duy	11/03/1997	An Giang	8,5	2,5	Không Đạt
75	CB 075	Nguyễn Thị Đễ	16/06/1989	Vĩnh Long	8,0	8,5	Đạt
76	CB 076	Trần Thị Thúy Hằng	21/01/1991	Đắk Lắk	9,5	8,5	Đạt
77	CB 077	Dương Thị Kim Hoàn	17/08/1991	Tp. Hồ Chí Minh	8,5	5,0	Đạt
78	CB 078	Trần Hoàng	20/04/1988	An Giang	8,5	9,0	Đạt
79	CB 079	Trần Minh Hùng	01/01/1984	Vĩnh Long	9,0	5,5	Đạt
80	CB 080	Lê Thị Hương	07/07/1990	Thanh Hoá	9,5	7,5	Đạt
81	CB 081	Nguyễn Văn Khánh	21/10/1988	Lâm Đồng	9,0	7,5	Đạt
82	CB 082	Đào Ngọc Khánh	04/10/1997	Tp. Hà Nội	4,5	3,0	Không Đạt
83	CB 083	Nguyễn Thị Mai	17/11/1991	Quảng Trị	9,5	5,5	Đạt
84	CB 084	Võ Thị Na	02/02/1991	Tp. Huế	7,0	5,0	Đạt
85	CB 085	Phan Thế Nam	07/10/1988	Ninh Bình	9,5	9,0	Đạt
86	CB 086	Trần Thị Nhàn	03/04/1983	Ninh Bình	4,5	2,0	Không Đạt
87	CB 087	Võ Ngọc Quỳnh Như	17/11/2001	Quảng Ngãi	8,5	8,5	Đạt
88	CB 088	Nguyễn Hữu Phương	25/08/1988	Lào Cai	8,5	6,0	Đạt
89	CB 089	Nguyễn Ngọc Quang	15/11/1988	Đồng Nai	8,5	9,0	Đạt
90	CB 090	Huỳnh Tấn Sang	14/07/1990	Đắk Lắk	6,5	5,5	Đạt
91	CB 091	Nguyễn Hữu Tài	19/04/1997	Vĩnh Long	-	-	Dời thi
92	CB 092	Nguyễn Minh Tâm	09/12/1985	Tp. Hồ Chí Minh	9,5	6,5	Đạt
93	CB 093	Nguyễn Huỳnh Thành	18/06/1993	Đắk Lắk	9,5	9,0	Đạt
94	CB 094	Trần Đức Thi	08/06/1977	Ninh Bình	9,5	9,0	Đạt
95	CB 095	Phan Thị Anh Thơ	10/07/1983	Tp. Cần Thơ	9,0	8,5	Đạt
96	CB 096	Nguyễn Thị Thuận	07/07/1993	Quảng Trị	8,5	8,0	Đạt
97	CB 097	Nguyễn Trọng Thuỷ	01/07/1992	Hà Tĩnh	3,5	8,0	Không Đạt
98	CB 098	Lê Trọng Tín	02/03/1990	Vĩnh Long	6,5	6,0	Đạt
99	CB 099	Phạm Hạnh Tuyền	15/07/1986	Đắk Lắk	7,5	5,5	Đạt
100	CB 100	Nguyễn Thị Vân	20/06/1986	Nghệ An	7,0	5,0	Đạt
101	CB 101	Huỳnh Hoài Hoàng Vũ	26/11/1996	Lâm Đồng	7,5	8,5	Đạt

Tổng cộng: 101 thí sinh